

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2019/DS-PT  
Ngày 23-8-2019  
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Thu Hà

*Các Thẩm phán:* Ông Lương Ngọc Dũng  
Ông Nguyễn Văn Dương

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hằng - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Hà Văn Dồn - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý 26/2017/TLPT-DS ngày 20 tháng 10 năm 2017 về việc tranh chấp thừa kế tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2017/DS-ST ngày 08 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận LC, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 179/2018/QĐ-PT ngày 19 tháng 01 năm 2018 và Thông báo về thời gian tiếp tục phiên tòa số 3157/TB-TA ngày 01 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:**

1. Bà Nguyễn Thị V; nơi cư trú: Xóm Đ, thôn AH, huyện AD, thành phố Hải Phòng; có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị R; nơi cư trú: Tổ 14 DH, phường DH, quận LC, thành phố Hải Phòng; có mặt.

3. Bà Nguyễn Thị H; ĐKKHKT: Số 118/363 đường TL, phường VN, quận LC, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Xóm Đ, thôn AH, huyện AD, thành phố Hải Phòng; có mặt.

4. Ông Nguyễn Văn T; nơi cư trú: Số 20 đường N chùa ĐT, phường VN, quận LC, thành phố Hải Phòng; có mặt.

5. Ông Nguyễn Văn Ng; nơi cư trú: Số nhà 10 đường HMT, phường DH K, quận LC, thành phố Hải Phòng; có mặt.

6. Ông Nguyễn Văn T1; nơi cư trú: Tổ 4 khu QS, phường DH K, quận LC, thành phố Hải Phòng; có mặt.

7. Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tổ tụng của ông Nguyễn Văn Đ (chết năm 2013) gồm: Bà Đỗ Thị H1, anh Nguyễn Trọng Q, chị Nguyễn Thị H2; cùng nơi cư trú: Số nhà 18 đường HMT, phường DH K, quận LC, thành phố Hải Phòng. *Người đại diện hợp pháp của bà Đỗ Thị H1 và chị Nguyễn Thị H2:* Anh Nguyễn Trọng Q, nơi cư trú: Số nhà 18 đường HMT, phường DH K, quận LC, thành phố Hải Phòng (theo Văn bản ủy quyền ngày 09/3/2018; 28/02/2018); có mặt.

*Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị R, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn Ng, ông Nguyễn Văn T1:* Ông Nguyễn Văn T; nơi cư trú: Số 20 đường N chùa ĐT, phường VN, quận LC, thành phố Hải Phòng (theo Văn bản ủy quyền ngày 04/5/2018); có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Văn T và anh Nguyễn Trọng Q:* Ông Tạ Ngọc B - Luật sư Công ty Luật TNHH B.A, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Th; nơi cư trú: Số 8 đường HMT, phường DH K, quận LC, thành phố Hải Phòng; có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Nguyễn Văn Th:* Ông Trịnh Văn N - Luật sư Công ty Luật Trịnh K.T, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Văn Th1; nơi cư trú: Số 34 đường HMT, phường DH K, quận LC, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

*Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Văn Th1:* Chị Phạm Thị N; nơi cư trú: Số 8 đường HMT, phường DH K, quận LC, thành phố Hải Phòng (theo Văn bản ủy quyền ngày 28/11/2017); có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Văn Th1:* Ông Nguyễn Quang C - Luật sư Công ty Luật TNHH MTV P.T, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng; có mặt.

2. Chị Phạm Thị N; nơi cư trú: Số 8 đường HMT, phường DH K, quận LC, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Người kháng cáo:* Anh Nguyễn Văn Th là bị đơn và ông Nguyễn Văn Th1 là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tóm tắt nội dung quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm:

*Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm các đồng nguyên đơn thống nhất trình bày:*

Cụ Nguyễn Văn L và cụ Dương Thị T2 sinh được 08 người con là: Nguyễn Thị V, sinh năm 1951; Nguyễn Văn Th1, sinh năm 1952; Nguyễn Thị R, sinh năm 1955; Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1958 (chết năm 2013); Nguyễn Thị H, sinh năm 1961; Nguyễn Văn T, sinh năm 1963; Nguyễn Văn Ng, sinh năm 1966; Nguyễn Văn T1, sinh năm 1969. Cụ T2 chết năm 1994, cụ L, chết năm 2000 đều không để lại di chúc. Khi còn sống các cụ tạo dựng được nhà và đất khoảng 368m<sup>2</sup> tại khu vực xóm Sỏi 1, xã DH K, Hải Phòng (nay là đường HMT (CH mới), phường DH K, quận LC, thành phố Hải Phòng) được thể hiện tại sổ mục kê và bản đồ địa chính do chính quyền phường DH K, quận LC quản lý (nguồn gốc là đất thổ cư kê khai từ năm 1980). Trên diện tích đất gồm: Một nhà vách đất 3 gian (nhà chính), một nhà ngang 02 gian, 01 bếp, sân, bể nước, vườn và một khu đất trồng rau khoảng 140m<sup>2</sup>. Ông bà và các con cùng sinh sống trên diện tích đất này. Sau đó, các con của các cụ đều lập gia đình, cụ thể: Bà V, bà R, bà H lấy chồng và ở riêng; ông Th2, ông T lấy vợ và xin đất ở hợp tác ở riêng; ông Đ lấy vợ mua đất sau đó đổi đất rau xanh của các cụ rồi ở trên đất đổi cho các cụ từ năm 1980-1981; ông Ng và ông T1 vẫn ở cùng các cụ. Sau này, khi còn sống các cụ cho ông Ng 55 m<sup>2</sup> (căn nhà 3 gian), ông T1 61,7 m<sup>2</sup> diện tích vườn. Năm 1994, cụ T2 chết không để lại di chúc.

Năm 1995, do căn nhà 3 gian bị hư hỏng nên ông Th2 cùng anh chị em trong gia đình bỏ tiền xây dựng lên một căn nhà cấp 4 lợp mái tôn trên khu vực sân của gia đình cho một mình cụ L ở đó để con cháu tiện chăm sóc, phụng dưỡng. Năm 2000, cụ L chết không để lại di chúc, căn nhà đó trở thành nơi thờ cúng. Sau khi cụ L chết vài tháng, anh Th (con trai ông Th2) đi bộ đội về và ở nhờ tại căn nhà, lấy vợ tên là Phạm Thị N và quản lý trông coi từ đó đến nay. Sau này, do nhà nước thu hồi đất để làm công trình giao thông nên còn lại khoảng hơn 90m<sup>2</sup>, tại địa chỉ Số 8 đường HMT (CH mới), phường DH K, quận LC, thành phố Hải Phòng. Khi chết, cụ T2 và cụ L không để lại di chúc, di sản thừa kế các cụ để lại các con cháu cũng chưa họp bàn phân chia. Giá trị hiện tại của căn nhà và đất khoảng 4 tỷ đồng.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu anh Th trả lại di sản thừa kế để phân chia cho các hàng thừa kế theo quy định pháp luật và sẽ trả cho vợ chồng anh Th, chị N phần công sức xây dựng và cải tạo theo yêu cầu của anh Th, chị N.

*Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày:* Anh Th thừa nhận trên diện tích đất có 01 căn nhà tạm cấp 4 là di sản của cụ L, cụ T2 để lại. Đây là tài mà các cụ đã cho ông Th2 (bố đẻ anh Th) và vợ chồng anh được ông Th2 cho lại. Giá trị hiện tại của phần di sản trên khoảng 1,4 tỷ đồng. Khi ở trên diện tích đất đó, vợ chồng anh Th đã có công cải tạo, xây dựng và làm các nghĩa vụ với nhà nước, anh Th chi phí hết 30.000.000 đồng, chị N chi phí hết 167.000.000 đồng. Anh không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, do năm 1992 thủ tục tặng cho đất không có quy định cụ thể như hiện nay mà chỉ thể hiện ý chí của người cho được mọi người công nhận.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn Th1, trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:* Bố mẹ ông là cụ T2, cụ L sinh được 08 người con, lúc còn sống các cụ có tài sản như nguyên đơn trình bày là đúng. Năm 1994, cụ T2 chết, năm 2000 cụ L chết nhưng trước đó các cụ đã phân chia đất đai cho các con, cụ thể: ông Ng căn nhà cũ đang ở khoảng 55m<sup>2</sup>, ông T1 khoảng 61,7m<sup>2</sup> trong khu vườn, bà H khoảng 33m<sup>2</sup>, ông Đ khoảng 140m<sup>2</sup> đất rau xanh, ông Th2 79m<sup>2</sup> sân bể (sau này đo lại mới biết là 92,3m<sup>2</sup>). Diện tích đất ông Th2 được cho ông đã cho lại con trai mình là anh Nguyễn Văn Th (thể hiện tại đơn xin tách đất cho con ngày 05/8/1992). Khi cụ L phân chia đất xong thì cụ ở với con trai là ông Ng. Năm 1995, ông Th2 xây dựng 01 căn nhà trên diện tích sân được cho để cụ L ở cùng con trai ông là anh Th. Cụ L ở đó đến năm 2000 thì cụ chết. Do đó, các cụ đã hết di sản nên ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Phạm Thị N trình bày:* Chị là vợ của anh Th và cùng anh ăn ở trên phần tài sản đang tranh chấp. Khi ở trên mảnh đất đó, chị đã bỏ tiền san nền, dựng lán, mái tôn, làm cửa ra vào hết 167.000.000 đồng. Nếu phân chia tài sản cho các đương sự, chị yêu cầu được nhận lại số tiền này.

*Quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm:* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2017/DS-ST ngày 08/9/2017 của Tòa án nhân dân quận LC, thành phố Hải Phòng đã căn cứ các Điều 609, 611, 612, 613, 614, 623, 649, 650, 651, 658, 660, 661, 662 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 5 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016; khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27-02-2009; Xử:

- Giao cho bà Nguyễn Thị R (đại diện cho bà Nguyễn Thị V, anh Nguyễn Trọng Q, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn Ng, ông Nguyễn Văn T1) được quyền quản lý, sử dụng 45,56 m<sup>2</sup> đất cùng tài sản trên đất tại thửa số 177 tờ bản đồ số 27 năm 2005 có chiều dài 12,3m giáp với nhà bà L, chiều rộng

phía sau 3,4m giáp nhà ông L1, chiều rộng 4,4m phía trước giáp đường HMT (theo sơ đồ đính kèm bản án).

Bà Nguyễn Thị R phải trả giá trị tài sản trên đất cho anh Nguyễn Văn Th số tiền 30.000.000 đồng, chị N số tiền 167.000.000 đồng.

- Giao cho ông Nguyễn Văn Th1 được quyền quản lý, sử dụng 46,74 m<sup>2</sup> đất cùng tài sản trên đất tại thửa số 177 tờ bản đồ số 27 năm 2005 có chiều dài 12,3m, chiều rộng 3,8m giáp với nhà ông Ng (theo sơ đồ đính kèm bản án).

Ông Th2 phải trả giá trị tiền chênh lệch chia tài sản cho các đồng nguyên đơn do bà Nguyễn Thị R đại diện nhận là 1.029.743.530 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

*Nội dung kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*  
Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11/9/2017, anh Nguyễn Văn Th là bị đơn và ông Nguyễn Văn Th1 là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử bác đơn khởi kiện của nguyên đơn, với lý do: Trước năm 1992, cụ L và cụ T2 đã phân chia cho con diện tích 360m<sup>2</sup> thuộc quyền sử dụng hợp pháp của các cụ, cụ thể:

Ông Ng được 4,5 thước ở cổng và đã xây nhà ở. Diện tích đất này sau này bà H đã mượn của các cụ sau đó lại bán lại cho người khác. Hiện nay ông Ng ở 79m<sup>2</sup> chính là phần nhà và đất các cụ cho ông Th2. Ông T1 được cho 75m<sup>2</sup>, hiện nay đã bán cho người khác. Ông Th2 được cho một nhà lợp ngói xi măng ba gian, 1 bể nước, một sân, một bếp, một nhà lớn, tổng diện tích là 176m<sup>2</sup>. Hiện nay ông Th2 chỉ sử dụng 92m<sup>2</sup> (còn 79 m<sup>2</sup> trên có ngôi nhà 3 gian ông Th2 cho ông Ng mượn). Diện tích đất thực tế hiện nay ít hơn vì khi Nhà nước thu hồi một phần diện tích đất để làm đường giao thông.

Các đồng nguyên đơn đều thừa nhận ông Ng, ông T1, bà H được cho đất nhưng lại không thừa nhận ông Th2 được cho đất là không đúng sự thật khách quan (ông Th2 là con trưởng, theo phong tục tập quán ông Th2 là người thờ cúng ông bà tổ tiên). Sau khi cho đất các cụ đã nhờ ông Dương Văn M cán bộ địa chính viết hộ đơn xin tách đất ngày 05/8/1992 có sự chứng kiến của trưởng thôn Ngô Thế P. Năm 1995, ông Th2 đã xây nhà trên diện tích đất được các cụ cho. Ngày 11/8/2003, trong buổi họp gia đình có sự chứng kiến của anh chị em ông Th2, ông Th2 đã chia tách đất cho các con có sự chứng kiến của ông trưởng khu Đoàn Văn Viện (đất đã xây nhà hoàn chỉnh).

Đơn khởi kiện bà V không ký, yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn không có chứng cứ đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn. Đồng thời Tòa án nhân dân quận LC đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm.

*Tại giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm và tại phiên tòa:*

- *Các đồng nguyên đơn và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn thống nhất trình bày:* Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện chia 92,3m<sup>2</sup> đất của cụ L và cụ T2 để lại, không yêu cầu chia tổng diện tích đất là 368m<sup>2</sup> đất vì khi còn sống các cụ đã chia tách cho các con. Đơn chia tách đất của cụ L và cụ T2, biên bản họp gia đình, đơn xin chia tách đất chưa được cơ quan có thẩm quyền xác nhận theo quy định của Bộ luật dân sự năm 1990, đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn, người liên quan.

- *Bị đơn là anh Nguyễn Văn Th và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo vì cho rằng diện tích đất này là ông bà nội đã cho bố anh là ông Nguyễn Văn Th1 sau đó ông Th2 đã cho lại cho anh trước sự chứng kiến của các cô chú là anh em của ông Th2. Nên đây là diện tích đất của anh được cho hợp pháp. Các đồng nguyên đơn đã công nhận có việc cụ L và cụ T2 cho đất bà H, ông T1, ông Ng nhưng không công nhận việc các cụ đã cho đất ông Th2 là không đúng sự thật và không khách quan. Các đồng nguyên đơn cho rằng cụ L, cụ T2 khi còn sống đã chia tách đất cho các anh chị khác của ông Th2 bằng miệng và công nhận nhưng lại không thừa nhận việc ông Th2 được bố mẹ cho nhà đất bằng văn bản có người ký xác nhận làm chứng là không khách quan, các cụ tặng cho tài sản cho ông Th2 là có căn cứ. bà V nói không biết chữ nhưng có nhiều văn bản có chữ ký và chữ viết của bà V. Như vậy có người ký mạo danh chữ ký và chữ viết của bà V đã ký trong đơn khởi kiện, Tòa án cấp sơ thẩm không xác minh mà vẫn giải quyết là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Đơn khởi kiện có chữ ký, biên bản làm việc tại Tòa án lại điểm chỉ mà Tòa án vẫn đưa vụ án ra xét xử. Thực tế bố con ông Th2 đã quản lý sử dụng mấy chục năm nay nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại quy trình và thủ tục tố tụng của Tòa án quận LC, cần hủy bản án sơ thẩm.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị N đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Th2 và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông Th2:* Vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của ông Th2 và đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của các đồng nguyên đơn. Việc xác định di sản của các cụ để lại là 368m<sup>2</sup> thổ cư và 144m<sup>2</sup> đất rau xanh và việc cho đất các con là có cơ sở. Theo các nguyên đơn trình bày khi các cụ còn sống đã chia tách đất cho một số người con, 4 người không được cho vì có thể tự xin đất hoặc đi lấy chồng, diện tích đất còn lại do anh Th chị N đang sử dụng và đứng tên trong sổ mục kê. Ông Th2 nói đã cho mình ở đó thể hiện qua 8 chứng cứ: Đơn tách đất cho con, theo kết luận giám định không đủ căn cứ xác định chữ viết chữ ký của cụ L nhưng không đưa ra căn cứ có sự giả mạo chữ ký; các đồng thừa kế có tham dự cuộc họp tại nhà ông Th2 để chia đất cho các con của ông Th2 trong đó có diện tích đất đang có tranh chấp nhưng các nguyên đơn không có ý kiến phản bác việc chia đất này và còn ký vào biên

bản; bà H thừa nhận nội dung và chữ ký trong biên bản bà H mượn đất của cụ L. Trong hợp đồng bà H bán đất có hai người làm chứng và chữ ký của tám anh chị em của bà H, tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay Bà V thừa nhận việc bà không ký tên và viết chữ vào bất kỳ biên bản hay hợp đồng nào. Trong hợp đồng mua bán này bà nhờ chồng ký; Bản án sơ thẩm đều thể hiện nguồn gốc di sản của các cụ để lại là đất thổ cư mang tên cụ L, sau đó lại tách ra làm 4 thửa. Nhưng việc cụ T2, cụ L cho các con bằng miệng hay bằng văn bản chưa được chứng minh, các đồng nguyên đơn không thừa nhận việc ông Th2 được chia đất. Di sản thừa kế của Cụ T2 và cụ L ngoài 92,3m<sup>2</sup> đất còn có một số thửa đất khác do ông T1, ông Ng... quản lý, sử dụng chia đều cho các đồng thừa kế. Đề nghị Tòa án nhập hai vụ án vào làm một để giải quyết vụ án thống nhất, khách quan và toàn diện, đảm bảo quyền lợi cho đương sự và phù hợp với quy định của pháp luật. Hủy bỏ một số giao dịch đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho người khác để chia thừa kế đều cho các con.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và phát biểu ý kiến về nội dung kháng cáo:*

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung kháng cáo của bị đơn: Lời khai phía bị đơn là anh Th và người có quyền, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn Th1 xác định “Đơn chia tách đất cho con” do cụ L, cụ T2 lập năm 1992 đã chia tách toàn bộ diện tích các cụ đang có là 368m<sup>2</sup> cho 04 người con trai, trong đó có ông Th2, như vậy phạm vi tài sản cần xem xét rộng hơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên, Tòa án chỉ căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thu thập đánh giá chứng cứ đối với tài sản tranh chấp là 92,3m<sup>2</sup> đất do anh Th đang quản lý, không thu thập chứng cứ để đánh giá toàn bộ diện tích đất do cụ L, cụ T2 để lại, đã phân chia cho các con như thế nào, ai quản lý, thực tế sử dụng có phù hợp với đơn chia tách đất hay không,... là chưa đầy đủ, dẫn đến việc đánh giá chứng cứ chưa toàn diện, khách quan theo quy định Điều 108 BLTTDS.

Theo “Biên bản họp gia đình về việc thống nhất, thỏa thuận, chia tách quyền sử dụng đất” lập ngày 11/8/2003 tại gia đình ông Th2, có chữ ký xác nhận của các ông bà phía nguyên đơn, trong đó thể hiện cho anh Th ở phần đất của ông nội (tức cụ L, cụ T2). Như vậy, biên bản họp gia đình có định đoạt tài sản của cụ L, cụ T2 để lại là 92,3m<sup>2</sup> đất, có giá trị quan trọng thể hiện ý chí của các nguyên đơn nhưng Tòa án sơ thẩm đánh giá không có nội dung liên quan diện tích đất tranh chấp là chưa đảm bảo đầy đủ, khách quan, gây ảnh hưởng đến quyền lợi bị đơn và người liên quan. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm, ông Nguyễn Văn Th1 đã có đơn khởi kiện và Tòa án nhân dân thành phố đã thụ lý về yêu cầu chia

thừa kế phần di sản của cụ L, cụ T2 để lại, bao gồm các diện tích đất còn lại gắn liền với diện tích đất đang tranh chấp là 92,3m<sup>2</sup>. Do đó, để xác định thống nhất toàn bộ di sản thừa kế của cụ L, cụ T2 để lại làm căn cứ chia di sản thừa kế theo quy định pháp luật, cần phải hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận LC để nhập vào vụ án chia thừa kế do ông Nguyễn Văn Th1 đã khởi kiện để đảm xử lý toàn diện quan hệ tài sản tranh chấp và đảm bảo quyền và nghĩa vụ giữa các đương sự trong vụ án. Từ những phân tích đánh giá nêu trên cho thấy việc thu thập đánh giá chứng cứ của vụ án còn có thiếu sót, tại giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm xuất hiện tình tiết mới là yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của người có quyền, nghĩa vụ liên quan đối với toàn bộ di sản thừa kế. Do đó, để đảm bảo quyền và nghĩa vụ giữa các đương sự trong vụ án và giải quyết triệt để quan hệ tranh chấp về tài sản giữa các đương sự cần thiết phải căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 301 của Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm; về án phí dân sự sơ thẩm: Sẽ được xem xét lại khi xét xử sơ thẩm lại vụ án; về án phí phúc thẩm: Các đương sự kháng cáo không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, yêu cầu kháng cáo của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa.

*- Về tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về chia thừa kế tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 5 Điều 26, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*- Về yêu cầu kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

[2] Về nguồn gốc 92,3m<sup>2</sup>/368m<sup>2</sup> nhà đất đang có tranh chấp: Tại tờ bản đồ theo dõi đất đai các thời kỳ thể hiện nguồn gốc diện tích đất đang tranh chấp là đất thổ cư, cụ thể: Tại tờ bản đồ số 01, thửa số 676 năm 1980 ghi đất thổ cư, tờ bản đồ số 01 thửa đất 1696 năm 1990 ghi đất thổ cư, tờ bản đồ số 30 thửa đất 375 năm 1995 ghi đất thổ cư và sổ mục kê của Ủy ban nhân dân phường DH K quản lý là đất thổ cư. Diện tích đất này do cụ Nguyễn Văn L và cụ Dương Thị T2 để lại, được thể hiện tại sổ mục kê và bản đồ địa chính do chính quyền phường DH K, quận LC quản lý (nguồn gốc là đất thổ cư kê khai từ năm 1980). Trên diện tích 368m<sup>2</sup> đất gồm: Một nhà vách đất 3 gian (nhà chính), một nhà ngang 02 gian, 01 bếp, sân, bể nước, vườn và một khu đất trồng rau khoảng 140m<sup>2</sup>. Hai cụ và các con cùng sinh sống trên diện tích đất này, sau khi các con lập gia đình, ra ở riêng, các cụ đã chia tách đất cho các con và các cụ ở trên ngôi nhà 3 gian. Sau này do Nhà nước thu hồi

đất để làm công trình giao thông nên còn  $92,3\text{m}^2/368\text{m}^2$  đất tại địa chỉ số 8 đường HMT (CH mới), phường DH K, quận LC, thành phố Hải Phòng.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn và hiện trạng nhà đất đang tranh chấp: Các đồng nguyên đơn cùng thống nhất yêu cầu Tòa án phân chia di sản của cụ L, cụ T2 là  $92,3\text{m}^2/368\text{m}^2$  đất, trên đất có 01 căn nhà cấp 4 diện tích  $7,8\text{m} \times 3,8\text{m}$  lợp mái tôn xi măng tại địa chỉ số 8 đường HMT, phường DH K, quận LC, thành phố Hải Phòng (địa chỉ cũ là 8/568 CH, Hải Phòng). Nhà đất này hiện tại vợ chồng anh Th, chị N là con trai và con dâu ông Th2 đang quản lý, sử dụng. Các nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Th, chị N trả lại di sản thừa kế do cụ L và cụ T2 để lại, đồng thời đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế này cho các hàng thừa kế theo quy định của pháp luật vì khi mất cụ T2, cụ L không để lại di chúc.

[4] Về thời điểm mở thừa kế: Các đương sự đều thống nhất về thời điểm mở thừa kế là thời điểm cụ T2, cụ L chết và thống nhất về hàng thừa kế.

[5] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn Th1 không đồng ý chia di sản thừa kế vì cho rằng không còn di sản thừa kế, nhà đất  $92,3\text{m}^2/368\text{m}^2$  tại địa chỉ số 8 đường HMT, phường DH K, quận LC, thành phố Hải Phòng (địa chỉ cũ là 8/568 CH, Hải Phòng) đã được cụ T2, cụ L cho ông Th2 theo “Đơn chia tách đất cho con” do cụ L, cụ T2 lập đề ngày 05/8/1992 đã chia tách toàn bộ diện tích các cụ đang có là  $368\text{m}^2$  cho 04 người con trai, trong đó có ông Th2 và tại Biên bản họp gia đình đề ngày 11/8/2003 các đồng nguyên đơn đã đồng ý, ký biên bản.

[6] Về kết luận giám định số 117/C54-P5 ngày 16/7/2018 của Viện Khoa học hình sự Tổng cục Cảnh sát giám định chữ ký, chữ viết của cụ Nguyễn Bá L, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn T1, ông Nguyễn Văn Ng tại Đơn xin tách đất cho con đề ngày 05/8/1992 và Biên bản họp gia đình đề ngày 11/8/2003; Giám định tuổi mực của chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Bá L trên mẫu cần giám định. Về giám định tuổi mực: Viện khoa học hình sự chưa giám định được tuổi mực. Về giám định chữ ký chữ viết: Không đủ cơ sở kết luận chữ ký chữ viết của đứng tên Nguyễn Bá L dưới mực người làm đơn so với chữ ký Lại dưới mực Chủ hộ ký có phải do cùng một người ký, viết ra không. Không đủ cơ sở kết luận các chữ Nguyễn Thị V dưới mực CÁC THÀNH VIÊN TRONG GIA ĐÌNH so với các mẫu so sánh có phải do cùng một người viết ra hay không. Chữ viết đứng tên Nguyễn Thị H dưới mực CÁC THÀNH VIÊN TRONG GIA ĐÌNH so với các mẫu so sánh do cùng một người viết ra. Chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Văn T dưới mực CÁC THÀNH VIÊN TRONG GIA ĐÌNH so với các mẫu so sánh do cùng một người ký, viết ra. Chữ viết đứng tên Nguyễn Văn T1 dưới mực CÁC THÀNH VIÊN TRONG GIA ĐÌNH so với các mẫu so sánh do

cùng một người viết ra. Chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Văn Ng dưới mục CÁC THÀNH VIÊN TRONG GIA ĐÌNH so với các mẫu so sánh do cùng một người ký, viết ra. Chữ ký của bà Tẹo: Không ai yêu cầu giám định và cũng không có mẫu để so sánh.

[7] Trong thời gian Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đang chuẩn bị xét xử vụ án trên thì ông Nguyễn Văn Th1, anh Nguyễn Văn Th khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng chia thừa kế phần đất của cụ L, cụ T đã phân chia cho các con là bà H, ông T1, ông Ng và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp trên diện tích đất của cụ L, cụ T cho các ông bà trên. Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã thụ lý vụ án theo Thông báo thụ lý số 1181/TB-TLVA ngày 29/5/2018 và đang giải quyết. Hội đồng xét xử xét thấy đây là tình tiết mới phát sinh, để giải quyết toàn bộ yêu cầu chia thừa kế di sản của Cụ T2, cụ L được toàn diện, triệt để, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự thì cần phải nhập hai vụ án, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm này không thể thực hiện bổ sung được.

[8] Từ những phân tích trên thấy cần hủy Bản án sơ thẩm số 09/2017/DS-ST ngày 08/9/2017 của Tòa án nhân dân quận LC, thành phố Hải Phòng để chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân quận LC giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm. Chánh án Tòa án nhân dân quận LC, thành phố Hải Phòng có quyền có văn bản đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng rút hồ sơ vụ việc lên Tòa án nhân dân thành phố để nhập vụ án này với vụ án dân sự sơ thẩm theo Thông báo thụ lý số 1181/TB-TLVA ngày 29/5/2018 mà Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đang giải quyết.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Tiền án phí sơ thẩm sẽ được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm. Tạm giữ tiền tạm ứng án phí của các đương sự để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[15] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 3 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016, ông Nguyễn Văn Th1 và anh Nguyễn Văn Th không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm; nghĩa vụ chịu án phí được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 5 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 148, khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 609, 611, 612, 613, 614, 616, 618, 623, 649, 650, 651, 658, 660, 661, 662 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 12, 26, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2017/DS-ST ngày 08/9/2017 của Tòa án nhân dân quận LC, thành phố Hải Phòng và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân quận LC, thành phố Hải Phòng giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí:

- Về án phí sơ thẩm: Nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm sẽ được quyết định khi Tòa án xét xử sơ thẩm lại vụ án. Tạm giữ số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 21.000.000 đồng các nguyên đơn đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0014608 ngày 10/01/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận LC, thành phố Hải Phòng.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn Th1 và anh Nguyễn Văn Th không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại ông Nguyễn Văn Th1 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004697 ngày 19/9/2017. Trả lại anh Nguyễn Văn Th 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004696 ngày 19/9/2017.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND TP Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận LC;
- TAND quận LC;
- Đường sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Thị Thu Hà**

